TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng.

2. Ông Trương Phước Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị B, sinh năm: 1993. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: anh Lê Trường T, sinh năm: 1973. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Huỳnh Thị B trình bày: chị và anh Tiền quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2013, vợ chồng không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh T thường uống rượu, không lo cho vợ con, chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh Tiền không thay đổi. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay chị yêu cầu ly hôn với anh Tiền.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Huỳnh K, sinh ngày 21/7/2014 hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị B xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: chị B xác định không có nợ chung.

Bị đơn anh Lê Trường T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của anh T về nội dung đơn khởi kiện của chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Huỳnh Thị B yêu cầu ly hôn với anh Lê Trường T. Anh T có nơi cư trú tại ấp H, xã G, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lê Trường T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị B và anh Lê Trường T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do tính tình không phù hợp, anh T thường xuyên uống rượu, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm và không còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng nay, chị B xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục chung sống với anh T thì không còn hạnh phúc.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị B cũng như không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh T là trầm trọng, anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Lê Huỳnh K, sinh ngày 21/7/2014 hiện đang sống chung với chị B. Xét yêu cầu nuôi con của chị B thì thấy từ khi chị B và anh T không còn sống chung cho đến nay chị B vẫn chăm sóc, giáo dục tốt đối với cháu K, đảm bảo điều kiện về chỗ ở, học tập và sự phát triển về thể chất, tâm lý của cháu nên tâm tư, tình cảm của cháu gắn liền với mẹ. Mặt khác, cháu K mới hơn 05 tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ, để ổn định cuộc sống cho cháu, Hội đồng xét xử quyết

định giao cháu K cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của chị Huỳnh Thị B trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: chị Huỳnh Thị B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 144, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị B được ly hôn với anh Lê Trường T. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 196 ngày 19/9/2014 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: chị Huỳnh Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lê Huỳnh K, sinh ngày 21/7/2014. Anh Lê Trường T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T không trực tiếp nuôi con chung nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: ghi nhận chị Huỳnh Thị B xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Huỳnh Thị B và anh Lê Trường T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí

đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0013188 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị B đã nộp xong.

Chị Huỳnh Thị B, anh Lê Trường T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã G, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Diệu Tiên